TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HM** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/06/2023
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Nhung – Thẩm phán**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Kim Dung**

2. Bà Tạ Thị Thà

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Hoàng Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2023/TLST–HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1985.

HKTT: Xóm 3 LN, TT, HH, TB.

Chỗ ở: Số nhà 3 ngách 102 ngõ 192 LTT, quận HM, HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976.

HKTT: Xóm 3 LN, TT, HH, TB.

Chỗ ở: Số nhà 3 ngách 102 ngõ 192 LTT, quận HM, HN (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, huyện HH, tỉnh TB vào ngày 24/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại: Số nhà 3 ngách 102 ngõ 192 LTT, quận HM, HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh T thường xuyên chửi đánh vợ và không quan tâm đến vợ con. Anh T thường xuyên say xỉn, nhục mạ chị và có lần dùng dao đuổi đánh chị nên chị rất sợ. Mâu thuẫn của chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T trầm trọng và được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T ly thân từ 01/2023 chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay chị Trương Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

+ Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Nguyễn Trương Bảo A và cháu Nguyễn Trương Khánh D. Tuy nhiên tại phiên tòa chị có quan điểm tôn trọng nguyện vọng của các con cháu Nguyễn Trương Khánh D có nguyện vọng ở với chị Trương Thị H, cháu Nguyễn Trương Bảo Acó nguyện vọng ở với anh Nguyễn Hữu T nên chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trương Khánh D, anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trương Bảo A.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị H tự nuôi cháu Nguyễn Trương Khánh D; anh Nguyễn Hữu T tự nuôi cháu Nguyễn Trương Bảo A và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

+ *Về tài sản chung và nhà đất chung*: Chị Trương Thị H xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về các khoản nợ chung:* Chị Trương Thị H xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Trương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh Nguyễn Hữu T và chị Trương Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại xã TT, huyện HH, tỉnh TB ngày 24/10/2005 sau khi kết hôn Anh Nguyễn Hữu T và chị Trương Thị H ở Hà Nội và sinh sống, làm việc, tạm trú tại Số 3 ngách 102 ngõ 192 LTT, tổ 1 phường ĐC, quận HM, TP HN. Trong quá trình sinh sống chúng tôi có một thời gian dài hạnh phúc và đã sinh chung 02 cháu đến hiện tại anh Nguyễn Hữu T không hiểu sao chị Trương Thị H lại làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T mặc dù anh T còn rất quan tâm và yêu thương vợ cùng 02 con. Anh Nguyễn Hữu T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011.

Nếu trường hợp chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh Nguyễn Hữu T sẽ theo nguyện vọng của các con, các con muốn ở với ai thì các cháu lựa chọn và quyết định.

Anh Nguyễn Hữu T sẽ không yêu cầu về giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Chị H trình bày: Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Chị H đã không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011. Sau khi ly hôn chị Trương Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cháu Nguyễn Trương Khánh D còn cháu Nguyễn Trương Bảo A chị tôn trọng nguyện vọng của con là xin ở với bố, chị đồng ý cho Nguyễn Trương Bảo A ở với anh Nguyễn Hữu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị H tự nuôi cháu Nguyễn Trương Khánh D; anh Nguyễn Hữu T tự nuôi cháu Nguyễn Trương Bảo A và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nhà đất chung và khoản nợ chung khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T đã được Tòa án tống đạt và triệu tập

tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H. Chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 07/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 07/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị H tự nuôi cháu Nguyễn Trương Khánh D; anh Nguyễn Hữu T tự nuôi cháu Nguyễn Trương Bảo A và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có nên không đề nghị giải quyết

- Các khoản nợ chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị Hằng chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu T.

Anh Nguyễn Hữu T được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, huyện HH, tỉnh TB vào ngày 24/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại: Số nhà 3 ngách 102 ngõ 192 LTT, quận HM, HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị nghi ngờ do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh T thường xuyên chửi đánh chị H và không quan tâm đến vợ con. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh T không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị H. Cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011.

Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Trương Khánh D có nguyện vọng ở với chị Trương Thị H, cháu Nguyễn Trương Bảo A có nguyện vọng ở anh Nguyễn Hữu T. Tại phiên tòa chị Trương Thị H có nguyện vọng nuôi con chung cháu Nguyễn Trương Khánh D. Hội đồng xét xử xem xét thấy chị có mức lương của chị cung cấp là đang làm công nhân may tại Công ty CP may 19 thu nhập khoảng 12 triệu đồng/tháng và hiện tại chị đang ở tại khu tập thể ông ty CP may 19 với điều kiện như trên chị đủ điều kiện để hội đồng đồng xét xử để chấp nhận để chị Trương Thị H nuôi cháu Nguyễn Trương Khánh D. Cháu Nguyễn

Trương Bảo A có nguyện vọng ở với anh Nguyễn Hữu T chị H đồng ý để anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trương Bảo A. Tại bản tự khai tại Tòa án anh Nguyễn Hữu T có quan điểm đề nghị Tòa án lấy lời khai của các con chung, anh sẽ theo nguyện vọng của các con, con ở với ai thì do các cháu tự lựa chọn và quyết định. Hiện nay cháu Nguyễn Trương Khánh D hiện ở với chị Trương Thị H, cháu Nguyễn Trương Bảo A đang ở với anh Nguyễn Hữu T. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Trương Khánh D, cháu Nguyễn Trương Bảo A là chính đáng. Nên hội đồng xét xử xem xét giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện thực tế. Nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Giao con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con nên chị H tự nuôi cháu Khánh D, anh T tự nuôi cháu Bảo A và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H. Cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011.

Giao con chung Nguyễn Trương Khánh D, sinh ngày 20/08/2011 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung Nguyễn Trương Bảo A, sinh ngày 04/11/2006 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị H tự nuôi cháu Nguyễn Trương Khánh D; anh Nguyễn Hữu T tự nuôi cháu Nguyễn Trương Bảo A và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung Nguyễn Trương Khánh D, không ai được quyền cản trở.

Chị Trương Thị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung Nguyễn Trương Bảo A, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản**:** Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về nợ chung**:** Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trương Thị H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003135 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM. Chị Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

Chị Trương Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THA quận HM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung